

**IX. PHÂN BÓN CÓ BỔ SUNG CHẤT
ĐIỀU HÒA SINH TRƯỞNG**

Các loại phân bón có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng được phép sử dụng ở Việt Nam, có hàm lượng phù hợp theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn

Thứ trưởng

BÙI BÁ BỔNG

BỘ QUỐC PHÒNG

**THÔNG TƯ số 65/2003/TT-BQP ngày
05/6/2003 hướng dẫn thực hiện một
số điều của Nghị định số 41/2002/
NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002
của Chính phủ về chính sách đối
với lao động dôi dư do sắp xếp lại
doanh nghiệp nhà nước đối với
các doanh nghiệp trong Quân đội.**

Thi hành Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP, Thông tư số 11/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22/5/2003 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH

ngày 12/6/2002, Bộ Quốc phòng (BQP) hướng dẫn thực hiện đối với các doanh nghiệp trong Quân đội như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Các doanh nghiệp nhà nước trong Quân đội (viết tắt là doanh nghiệp quân đội), bao gồm:

1.1. Các doanh nghiệp quân đội thực hiện cơ cấu lại theo quy định tại Điều 17 của Bộ Luật Lao động, gồm:

- Doanh nghiệp giữ 100% vốn nhà nước.

- Công ty cổ phần được chuyển từ doanh nghiệp quân đội có phương án cơ cấu lại được BQP xác nhận trong vòng 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

1.2. Doanh nghiệp quân đội thực hiện cơ cấu lại theo các hình thức chuyển đổi gồm:

- Doanh nghiệp quân đội chuyển thành công ty cổ phần.

- Doanh nghiệp quân đội thực hiện sáp nhập, hợp nhất.

1.3. Doanh nghiệp quân đội bị giải thể, phá sản.

2. Các doanh nghiệp (kể cả đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp hạch toán độc lập chuyển thành công ty cổ phần) thực hiện các biện pháp cơ cấu lại theo quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2 khoản 1 nêu trên phải được Bộ Quốc phòng phê duyệt hoặc xác nhận phương án cơ cấu lại trong giai đoạn từ ngày 26/4/2002 đến hết ngày 31/12/2005.

3. Các doanh nghiệp bị giải thể, phá sản trong giai đoạn từ ngày 26/4/2002 đến hết ngày 31/12/2005 phải có quyết định giải thể hoặc tuyên bố phá sản doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

4. Đối với Công ty cổ phần được chuyển đổi từ

doanh nghiệp quân đội có thời gian hoạt động không quá 12 tháng (kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp) có Phương án cơ cấu lại do Hội đồng quản trị quyết định và có xác nhận của Bộ Quốc phòng.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Người lao động dôi dư được hưởng chính sách quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với các doanh nghiệp quân đội bị giải thể hoặc phá sản, bao gồm:

1.1. Người lao động thuộc diện tuyển dụng theo hình thức hợp đồng lao động (HĐLĐ) được tuyển vào làm việc trước ngày 26/4/2002 (thời điểm có hiệu lực thi hành Nghị định số 41/2002/NĐ-CP) theo loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 1 năm đến 3 năm.

1.2. Người lao động thuộc diện tuyển dụng theo hình thức HĐLĐ hoặc thuộc diện quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Mục II của Thông tư số 91/2002/TT-BQP ngày 08/7/2002 của BQP về việc hướng dẫn thực hiện chế độ Hợp đồng lao động trong doanh nghiệp quân đội, nhưng tại thời điểm sắp xếp lại vẫn chưa thực hiện giao kết HĐLĐ bằng văn bản thì chỉ áp dụng cho những người được tuyển dụng vào làm việc trước ngày 30/8/1990 (thời điểm có hiệu lực thi hành của Pháp lệnh Hợp đồng lao động).

2. Đối với các doanh nghiệp quân đội không thuộc diện giải thể, phá sản nhưng được sắp xếp lại theo quy định tại Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 của Thủ tướng về ban hành Tiêu chí, danh mục phân loại sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và Tổng công ty nhà nước và Quyết định số 80/2003/QĐ-TTg ngày 29/4/2003 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc BQP giai đoạn 2003 - 2005 hoặc cơ cấu lại theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động được BQP

phê duyệt phương án sắp xếp lại lao động, bao gồm:

2.1. Người lao động đang làm việc, khi sắp xếp lại, doanh nghiệp đã tìm mọi biện pháp tạo việc làm, nhưng vẫn không bố trí được việc làm. Đối tượng này áp dụng cho những người được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp theo loại HĐLĐ không xác định thời hạn hoặc có xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm trước ngày 21/4/1998 (thời điểm có Chỉ thị số 20/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước).

Đối với những người thuộc diện ký HĐLĐ được tuyển vào làm việc nhưng đến thời điểm sắp xếp lại vẫn chưa thực hiện ký kết HĐLĐ bằng văn bản thì chỉ áp dụng cho những người tuyển dụng trước ngày 30/8/1990.

2.2. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp nhưng không có việc làm, tại thời điểm sắp xếp lại, doanh nghiệp vẫn không bố trí được việc làm. Đối tượng này áp dụng cho những người được tuyển dụng vào làm việc theo loại HĐLĐ không xác định thời hạn hoặc có xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm mà tại thời điểm sắp xếp lại doanh nghiệp chưa chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động.

3. Thời điểm tuyển dụng người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP được quy định như sau:

- Đối với người lao động làm việc liên tục trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước thì thời điểm tuyển dụng được tính từ ngày bắt đầu làm việc trong khu vực nhà nước.

- Trường hợp người lao động có thời gian không làm việc trong cơ quan, doanh nghiệp nhà nước thì thời điểm tuyển dụng được tính là thời điểm tuyển dụng lần cuối cùng làm việc liên tục trong cơ quan, doanh nghiệp nhà nước.

Ví dụ: Bà Nguyễn Thị A có quá trình làm việc như sau:

Giai đoạn 1: Ngày 20/6/1976 được tuyển dụng vào làm việc (lần đầu tiên) trong doanh nghiệp nhà nước và làm việc liên tục đến ngày 20/6/1992.

Giai đoạn 2: Ngày 01/7/1992 được tuyển dụng vào làm việc trong doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và làm việc liên tục đến ngày 15/9/1995.

Giai đoạn 3: Ngày 25/10/1995 được tuyển dụng vào làm việc trong doanh nghiệp nhà nước và làm việc liên tục đến ngày doanh nghiệp này thực hiện cơ cấu lại và có quyết định nghỉ việc.

Như vậy, thời điểm tuyển dụng vào khu vực nhà nước của Bà Nguyễn Thị A được tính thời điểm tuyển dụng lần cuối cùng là ngày 25/10/1995.

III. CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG DÔI DƯ

(thuộc đối tượng quy định tại Mục II của Thông tư này).

1. Chính sách đối với người lao động dôi dư đang thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn:

1.1. Người lao động đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên được nghỉ hưu, không phải trừ phần trăm lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Điều lệ Bảo hiểm xã hội, ngoài ra còn được hưởng thêm các khoản trợ cấp sau:

1.1.1. Được trợ cấp 03 tháng lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng cho mỗi năm (đủ 12 tháng) nghỉ hưu trước tuổi. Trường hợp có tháng lẻ được tính trợ cấp như sau:

+ Nếu đủ 6 tháng trở xuống được trợ cấp 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có).

+ Nếu trên 6 tháng đến dưới 12 tháng được trợ

cấp 02 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có).

1.1.2. Trợ cấp 05 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

1.1.3. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có). Trường hợp có tháng lẻ được tính theo nguyên tắc trên 6 tháng được tính là một năm, đủ 6 tháng trở xuống không được tính.

Thời gian để tính các khoản trợ cấp hưởng thêm theo quy định tại 1.1.2, 1.1.3 khoản 1.1 Mục này được căn cứ vào thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội (kể cả thời gian làm việc trong khu vực nhà nước được coi là đã đóng bảo hiểm xã hội) theo quy định của pháp luật và được tính đến ngày có quyết định nghỉ việc.

Tiền lương và các khoản phụ cấp lương để tính trợ cấp là tiền lương cấp bậc, chức vụ và phụ cấp lương quy định tại Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp, Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang và tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm nghỉ việc. Trường hợp người lao động chưa chuyển xếp lương thì thực hiện chuyển xếp lương theo quy định tại các Nghị định nêu trên.

Các khoản phụ cấp được tính (nếu có) bao gồm: Phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực.

Đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng, tiền lương và các khoản phụ cấp lương (nếu có) được tính tại thời điểm doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

Mức lương tối thiểu làm căn cứ để tính các khoản trợ cấp cho đối tượng quy định tại tiết 1.1 điểm 1 Mục này là mức lương tối thiểu do chính phủ quy định (hiện nay là 290.000 đồng/tháng).

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A công nhân sửa chữa ô tô, tại thời điểm nghỉ việc có 56 năm 4 tháng tuổi đời; có thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 25 năm, 8 tháng; hệ số lương cấp bậc đang hưởng 2,84 (bậc 6, nhóm II, thuộc thang lương A.1 cơ khí, điện, điện tử, tin học); Phụ cấp khu vực 0,5. Ông A được hưởng chế độ như sau:

+ Tỷ lệ % lương hưu được hưởng:

- 15 năm đầu tính bằng 45%.

- Từ năm 16 đến năm thứ 26 là 11 năm (25 năm 8 tháng được tính là 26 năm theo quy định tại Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003).

$11 \text{ năm} \times 2\% = 22\%$

→ Tỷ lệ % lương hưu là: $45\% + 22\% = 67\%$.

+ Tiền trợ cấp do về hưu trước tuổi:

- Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương 1 tháng

$290.000 \text{ đồng} \times (2,84 + 0,5) = 968.600 \text{ đồng}$

- Số tháng lương được hưởng chế độ trợ cấp:

Nghỉ hưu trước tuổi 3 năm 8 tháng:

$3 \text{ năm} \times 3 \text{ tháng/năm} + 2 \text{ tháng} = 11 \text{ tháng}$

Có 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội = 5 tháng

Từ năm thứ 21 trở đi có đóng bảo hiểm xã hội (5 năm 8 tháng tính tròn là 6 năm): $6 \text{ năm} \times 0,5 \text{ tháng} = 3 \text{ tháng lương}$

Cộng: = 19 tháng

→ Tổng số tiền trợ cấp được nhận:

$968.600 \text{ đồng/tháng} \times 19 \text{ tháng} = 18.403.400 \text{ đồng}$

1.2. Người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động, nhưng còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối đa một năm (12 tháng), thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đóng tiếp bảo hiểm xã hội một lần cho những tháng còn thiếu với mức 15% tiền lương tháng tại thời điểm

đủ tuổi nghỉ hưu và giải quyết nghỉ hưu theo chế độ hiện hành, bao gồm các trường hợp sau:

1.2.1. Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 14 năm đến dưới 15 năm.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn B công nhân giao nhận sản phẩm tại thời điểm nghỉ việc đã đủ 60 tuổi; có đủ 14 năm đóng bảo hiểm xã hội; hệ số tiền lương đang hưởng 2,73 (bậc 6, nhóm I, thang lương A.15 chế biến lương thực, thực phẩm); tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng. Ông B được Nhà nước hỗ trợ đóng tiếp bảo hiểm xã hội 1 lần cho 12 tháng với mức 15% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng và làm thủ tục giải quyết chế độ nghỉ hưu theo quy định hiện hành.

+ Tiền lương một tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội:

$290.000 \text{ đồng} \times 2,73 = 791.700 \text{ đồng}$

+ Tiền bảo hiểm xã hội đóng một lần (được Nhà nước hỗ trợ):

$(791.700 \text{ đồng} \times 15\%) \times 12 \text{ tháng} = 1.425.060 \text{ đồng}$

+ Tỷ lệ % lương hưu được hưởng là 45% (có 15 năm đóng bảo hiểm xã hội)

1.2.2. Nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi, có đủ 15 năm làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại hoặc đủ 15 năm làm việc ở những nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên hoặc đủ 10 năm công tác thực tế ở chiến trường B, C trước ngày 30/4/1975, chiến trường K trước ngày 31/8/1989 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 19 năm đến dưới 20 năm.

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn C công nhân nấu bếp tại thời điểm nghỉ việc đã đủ 55 tuổi; có đủ 19 năm 6 tháng đóng bảo hiểm xã hội; hệ số tiền lương đang hưởng là 2,07 (bậc 5, nhóm mức lương II, thang lương A.20 ăn uống); tiền lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng. Ông C được Nhà

nước hỗ trợ kinh phí đóng tiếp bảo hiểm xã hội một lần cho 6 tháng với mức 15% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng và làm thủ tục giải quyết chế độ nghỉ hưu theo quy định hiện hành.

- Tiền lương một tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội:

$$290.000 \text{ đồng} \times 2,07 = 600.300 \text{ đồng}$$

- Tiền đóng bảo hiểm xã hội một lần:

$$(600.300 \times 15\%) \times 6 \text{ tháng} = 540.270 \text{ đồng}$$

- Tỷ lệ % tính lương hưu là:

+ 15 năm đầu tính bằng 45%.

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 20 được tính thêm (mỗi năm 2%) là 10%

→ Cộng tỷ lệ % lương hưu là: 45% + 10% = 55%

1.2.3. Nam đủ 50 tuổi, nữ đủ 45 tuổi có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 19 năm đến dưới 20 năm mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

1.2.4. Người lao động có ít nhất 15 năm làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, đặc biệt độc hại đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 19 năm đến dưới 20 năm (không phụ thuộc vào tuổi đời) mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

1.3. Người lao động dôi dư không thuộc đối tượng quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2 khoản 1 Mục III nêu trên, thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động và hưởng chế độ như sau:

1.3.1. Trợ cấp mất việc làm được tính theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước, cứ mỗi năm (đủ 12 tháng) được trợ cấp 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng, nhưng thấp nhất cũng bằng 2 tháng tiền lương, phụ cấp lương đang hưởng.

1.3.2. Được trợ cấp thêm 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang

hưởng cho mỗi năm (đủ 12 tháng) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước và được trợ cấp một lần với mức 5 (năm) triệu đồng.

Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước, bao gồm:

Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là trong khu vực nhà nước).

Mọi thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp nhà nước, ngân sách nhà nước, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (thời gian đào tạo, công tác, nghỉ ốm đau, thai sản...).

Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc mà trong thời gian này doanh nghiệp có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng thì thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước tính đến ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

Thời gian hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước được cộng dồn và tính từ thời điểm bắt đầu làm việc lần đầu tiên đến thời điểm có quyết định nghỉ việc. Trong tổng thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước phải trừ thời gian người lao động đã nhận trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, chế độ xuất ngũ, hoặc phục viên.

Nếu thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước có tháng lẻ được quy định như sau:

+ Dưới 1 tháng, không tính.

+ Từ 1 tháng đến dưới 7 tháng được tính bằng 6 tháng thực tế làm việc.

+ Từ 7 tháng đến dưới 12 tháng được tính bằng 1 năm thực tế làm việc.

1.3.3. Trợ cấp 1 lần đi tìm việc làm là 6 (sáu) tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng. Nếu có nguyện vọng học nghề thì được học nghề miễn phí tối đa 6 tháng tại cơ sở dạy nghề do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ định.

Ngoài các chế độ quy định tại 1.3.1; 1.3.2; 1.3.3 tiết 1.3 điểm 1 Mục này, người lao động còn được hưởng chế độ chờ nghỉ hưu, bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội; hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội 1 lần theo quy định hiện hành.

Tiền lương và các khoản phụ cấp lương được áp dụng theo quy định tại 1.1.3 điểm 1.1 khoản 1 Mục III của Thông tư này.

Đối với công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng thì tiền lương và các khoản phụ cấp lương (nếu có) được tính tại thời điểm doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo luật doanh nghiệp.

Mức lương tối thiểu làm căn cứ tính chế độ đối với các đối tượng nêu tại 1.3.1; 1.3.2 điểm 1.3 khoản 1 và khoản 2 Mục III Thông tư này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương, cụ thể như sau:

- Trợ cấp mất việc làm cho số thời gian làm việc trước ngày 01/01/2003 được tính theo mức lương tối thiểu 210.000 đồng/tháng.

- Trợ cấp mất việc làm cho số thời gian làm việc từ ngày 01/01/2003 trở đi được tính mức lương tối thiểu là 290.000 đồng/tháng; trợ cấp đi tìm việc làm, 70% tiền lương cho những tháng còn lại chưa thực hiện hết hợp đồng lao động đã giao kết, được tính mức lương tối thiểu là 290.000 đồng/tháng.

Trường hợp có tháng lẻ được tính theo quy định

tại 1.3.2 điểm 1.3 khoản 1 Mục III của Thông tư này.

Vi dụ 4: Ông Nguyễn Văn D, công nhân cơ khí, doanh nghiệp Z17, tại thời điểm nghỉ việc đủ 44 tuổi; có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước là 20 năm 7 tháng (trong đó tính từ ngày 01/01/2003 có 1 năm 2 tháng); có hệ số lương 2,33 (bậc 5, nhóm mức lương II, thang lương A.1 cơ khí, điện, điện tử, tin học); tiền lương tối thiểu là 290.000 đ/tháng. Ông D được hưởng chế độ như sau:

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng trước ngày 01/01/2003:

$$210.000 \text{ đồng} \times 2,33 = 489.300 \text{ đồng}$$

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng từ ngày 01/01/2003:

$$290.000 \text{ đồng} \times 2,33 = 675.700 \text{ đồng}$$

- Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003 là 19 năm, 5 tháng (tính quy đổi tháng lẻ là 19 năm, 6 tháng):

$$489.300 \text{ đ/tháng} \times 19,5 \text{ tháng} = 9.541.350 \text{ đồng}$$

- Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003 là 1 năm 2 tháng (tính quy đổi tháng lẻ là 1 năm, 6 tháng):

$$675.700 \text{ đ/tháng} \times 1,5 \text{ tháng} = 1.013.550 \text{ đồng}$$

→ Tổng tiền trợ cấp mất việc làm là:

$$9.541.350 \text{ đồng} + 1.013.550 \text{ đồng} = 10.554.900 \text{ đ}$$

- Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003 là 19 năm, 5 tháng (tính quy đổi tháng lẻ là 19 năm, 6 tháng):

$$489.300 \text{ đ/tháng} \times 19,5 \text{ tháng} = 9.541.350 \text{ đồng}$$

- Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003 là 1 năm 2 tháng (tính quy đổi tháng lẻ là 1 năm, 6 tháng):

$$675.700 \text{ đ/tháng} \times 1,5 \text{ tháng} = 1.013.550 \text{ đồng}$$

→ Tổng số tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian làm việc thực tế là:

$$9.541.350 \text{ đồng} + 1.013.550 \text{ đồng} = 10.554.900 \text{ đ}$$

- Tiền trợ cấp cố định một lần = 5.000.000 đồng

- Tiền trợ cấp đi tìm việc làm: 675.700 đ/tháng x 6 tháng = 4.054.200 đồng

→ Tổng số tiền được nhận là:

$$10.554.900 \text{ đ} + 10.554.900 \text{ đ} + 5.000.000 \text{ đ} + 4.054.200 \text{ đ} = 30.164.000 \text{ đồng.}$$

Ví dụ 5: Bà Nguyễn Thị E, công nhân xây dựng, thuộc doanh nghiệp Hà thành, tại thời điểm nghỉ việc đã 44 tuổi; có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước là 17 năm 7 tháng (trong đó tính từ ngày 01/01/2003 là 2 năm 3 tháng); có hệ số lương 2,84 (bậc 6 nhóm II, tháng lương A.6 xây dựng cơ bản). Trước đây Bà E đã hưởng chế độ trợ cấp mất việc làm 5 năm tại doanh nghiệp K. Bà E được hưởng chế độ như sau:

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng trước ngày 01/01/2003:

$$210.000 \text{ đ} \times 2,84 = 596.400 \text{ đ}$$

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng từ ngày 01/01/2003:

$$290.000 \text{ đ} \times 2,84 = 823.600 \text{ đ}$$

Thời gian làm việc thực tế được hưởng chế độ trợ cấp là:

$$17 \text{ năm } 7 \text{ tháng} - 5 \text{ năm} = 12 \text{ năm } 7 \text{ tháng}$$

- Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003 là: 596.400 đ/tháng x 10,5 tháng = 6.262.200 đ

- Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003 là: 823.600 đ x 2,5 tháng = 2.059.000 đ

→ Tổng tiền trợ cấp mất việc làm là: 6.262.200 đ + 2.059.000 đ = 8.321.200 đ

- Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003 là:

$$596.400 \text{ đ/tháng} \times 10,5 \text{ tháng} = 6.262.200 \text{ đ}$$

- Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003 là:

$$823.600 \text{ đ} \times 2,5 \text{ tháng} = 2.059.000 \text{ đ}$$

→ Tổng tiền trợ cấp thêm là: 6.262.200 đ + 2.059.000 đ = 8.321.200 đ

- Tiền trợ cấp cố định một lần = 5.000.000 đồng

- Tiền trợ cấp đi tìm việc làm:

$$675.700 \text{ đ/tháng} \times 6 \text{ tháng} = 4.054.200 \text{ đồng}$$

→ Tổng số tiền được nhận là:

$$8.321.200 \text{ đ} + 8.321.200 \text{ đ} + 5.000.000 \text{ đ} + 4.941.600 \text{ đ} = 26.584.000 \text{ đ}$$

1.3.4. Người lao động còn thiếu tối đa 5 năm tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động (tức là nam đủ 55 tuổi đến dưới 60, nữ đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi) và đã đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP, nay quy định cụ thể như sau:

+ Được hưởng chính sách theo quy định tại 1.3.1, 1.3.2, điểm 1.3 khoản 1 Mục III của Thông tư này.

+ Được đóng tiếp bảo hiểm xã hội hàng tháng với mức 15% tiền lương tháng trước khi nghỉ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu (nam đủ 60 tuổi, nữ 55 tuổi) thì hưởng lương hưu hàng tháng theo quy định hiện hành.

Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội trước thời điểm nghỉ việc, bao gồm: Tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực, hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) được tính theo mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm nộp bảo hiểm xã hội.

+ Thời gian đóng tiếp bảo hiểm xã hội kể từ ngày có quyết định nghỉ việc.

+ Hồ sơ, thủ tục đóng tiếp bảo hiểm xã hội thực hiện theo hướng dẫn của bảo hiểm xã hội quân đội.

+ Trong thời gian tự đóng tiếp bảo hiểm xã hội, nếu người lao động bị chết thì thân nhân được hưởng chế độ tử tuất theo quy định hiện hành.

Ví dụ 6: Ông Nguyễn Văn F công nhân xây lắp cầu tại thời điểm nghỉ việc đã đủ 57 tuổi; có thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước 17 năm 6 tháng (trong đó tính từ ngày 01/01/2003 có 6 tháng); có hệ số lương 3,05 (bậc 6 nhóm III, thang lương A.6 xây dựng cơ bản); phụ cấp khu vực 0,4. Ông F thuộc đối tượng đóng tiếp bảo hiểm xã hội cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu (đủ 60 tuổi) được giải quyết chế độ như sau:

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng trước ngày 01/01/2003:

$$210.000 \text{ đ} \times (3,05 + 0,4) = 724.500 \text{ đ}$$

Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương một tháng từ ngày 01/01/2003:

$$290.000 \text{ đ} \times (3,05 + 0,4) = 1.000.500 \text{ đ}$$

- Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003 là:

$$724.500 \text{ đ/tháng} \times 17 \text{ tháng} = 12.316.500 \text{ đ}$$

- Tiền trợ cấp mất việc làm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003 là:

$$1.000.500 \text{ đ} \times 0,5 \text{ tháng} = 500.250 \text{ đ}$$

→ Tổng tiền trợ cấp mất việc làm là:
12.316.500 đ + 500.250 đ = 12.816.750 đ

- Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc trước ngày 01/01/2003 là:

$$724.500 \text{ đ/tháng} \times 17 \text{ tháng} = 12.316.500 \text{ đ}$$

- Tiền trợ cấp thêm tính theo thời gian thực tế làm việc từ ngày 01/01/2003 là:

$$1.000.500 \text{ đ} \times 0,5 \text{ tháng} = 500.250 \text{ đ}$$

→ Tổng tiền trợ cấp thêm là: 12.316.500 đ + 500.250 đ = 12.816.750 đ

- Tiền trợ cấp cố định một lần = 5.000.000 đồng

→ Tổng số tiền được nhận là:

$$12.816.750 \text{ đ} + 12.816.750 \text{ đ} + 5.000.000 \text{ đ} = 30.633.500 \text{ đồng.}$$

- Ông F phải đóng tiếp bảo hiểm xã hội 3 năm (36 tháng); mức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng là:

$$1.000.500 \text{ đồng} \times 15\% = 150.075 \text{ đồng.}$$

2. Chính sách đối với người lao động dôi dư thực hiện hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm quy định tại Điều 4 của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP, thì chấm dứt hợp đồng lao động được hưởng các chế độ sau (không đợi hết thời gian hợp đồng):

2.1. Được trợ cấp mất việc làm cứ mỗi năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước là 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ và phụ cấp lương (nếu có).

2.2. Được trợ cấp 70% tiền lương cấp bậc, chức vụ và phụ cấp lương (nếu có) cho những tháng còn lại chưa thực hiện hết hợp đồng lao động đã giao kết, nhưng tối đa không quá 12 tháng.

Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước được quy định tại 1.3.2 điểm 1.3 khoản 1 Mục III của Thông tư này.

Ví dụ 7: Ông Nguyễn Văn G công nhân khai thác cát sỏi, giao kết hợp đồng lao động có thời hạn là 03 năm, tại thời điểm nghỉ việc mới thực hiện hợp đồng lao động được 12 tháng, còn lại 24 tháng chưa thực hiện, theo quy định chỉ được hưởng tối đa là 12 tháng. Vì vậy, ông G chỉ được hưởng trợ cấp (70% x 12 tháng) tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương (nếu có).

2.3. Người lao động còn thiếu tối đa 5 năm

tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động, đã đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP, nay quy định cụ thể như sau:

+ Được hưởng chính sách theo quy định tại điểm 2.1, 2.2, khoản 2 Mục III nêu trên.

+ Được tự đóng tiếp bảo hiểm xã hội hàng tháng với mức 15% tiền lương cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động (60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ) thì hưởng lương hưu hàng tháng theo quy định hiện hành.

Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là tiền lương trước thời điểm nghỉ việc, bao gồm: Tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực, hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) được tính theo mức tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm nộp bảo hiểm xã hội.

Thời gian đóng tiếp bảo hiểm xã hội kể từ ngày có quyết định nghỉ việc.

3. Người lao động đã nhận chế độ trợ cấp mất việc làm, nếu được tái tuyển dụng ở doanh nghiệp đã cho thôi việc hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác thì phải hoàn trả số tiền trợ cấp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP, cụ thể như sau:

3.1. Người lao động được tái tuyển dụng ở doanh nghiệp đã cho thôi việc hoặc ở các doanh nghiệp nhà nước khác khi nộp hồ sơ tuyển dụng theo quy định hiện hành và kèm theo bản sao quyết định nghỉ việc hưởng chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước và nộp lại cho doanh nghiệp tuyển dụng số tiền trợ cấp thêm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP (01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực đang hưởng cho mỗi năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước và 05 triệu đồng).

3.2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm thu số tiền trợ cấp mà người lao động đã nộp về Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư theo quy định của Bộ Tài chính.

IV. NGUỒN KINH PHÍ CHI TRẢ

Nguồn kinh phí chi trả chế độ đối với người lao động dôi dư được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP và Quyết định số 85/2002/QĐ-BTC ngày 01/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp tiến hành sắp xếp lại lao động và giải quyết chế độ đối với lao động dôi dư có trách nhiệm thực hiện theo trình tự sau đây:

1.1. Tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và chính sách đối với lao động dôi dư để người lao động biết.

1.2. Xây dựng phương án sắp xếp lại lao động, theo các bước sau đây:

Bước 1: Lập danh sách toàn bộ lao động của doanh nghiệp tại thời điểm cơ cấu lại theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP của Chính phủ (theo mẫu số 1 kèm Thông tư này), bao gồm:

- Số lao động đang làm việc có hưởng lương và đóng bảo hiểm xã hội hoặc không đóng bảo hiểm xã hội (kể cả số lao động làm việc theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới một năm).

- Số lao động tuy đã nghỉ việc nhưng có tên

trong danh sách của doanh nghiệp, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, có đóng bảo hiểm xã hội hoặc không đóng bảo hiểm xã hội.

Bước 2: Xác định số lao động cần sử dụng và lao động dôi dư như sau:

- Đối với doanh nghiệp giữ 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: xác định số lao động cần sử dụng trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh, công nghệ sản xuất sản phẩm, máy móc thiết bị, định mức lao động theo hướng doanh nghiệp phát triển và có lãi, được Bộ Quốc phòng phê duyệt, số lao động còn lại là số lao động không có nhu cầu sử dụng;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa trong giai đoạn từ ngày 26/4/2002 đến hết ngày 31/12/2005 thì số lao động cần sử dụng là số lao động được xác định theo phương án cổ phần hóa đã được Bộ Quốc phòng phê duyệt, số lao động còn lại là số lao động không có nhu cầu sử dụng;

- Đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp quân đội có thời gian hoạt động chưa quá 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, khi thực hiện cơ cấu lại nếu có người lao động từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang không bố trí được việc làm thì được xác định là lao động không có nhu cầu sử dụng;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì số lao động cần sử dụng là số lao động được xác định theo phương án sáp nhập, hợp nhất đã được BQP phê duyệt, số lao động còn lại là số lao động không có nhu cầu sử dụng.

Số lao động không có nhu cầu sử dụng đã xác định theo quy định trên đây được phân làm 2 loại: Số lao động được tuyển trước ngày 21/4/1998 là lao động dôi dư thì được thực hiện chế độ theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP; số lao động tuyển dụng từ ngày 21/04/1998 thì thực hiện chế độ theo quy định của Bộ Luật Lao động;

* Đối với các doanh nghiệp thực hiện giải thể, phá sản thì toàn bộ số lao động trong danh sách của doanh nghiệp được tuyển dụng trước ngày 26/4/2002 được thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP. Số tuyển dụng từ ngày 26/4/2002 được giải quyết chế độ theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Bước 3: Lập danh sách lao động cần sử dụng (theo mẫu số 2 kèm Thông tư này), số lao động không có nhu cầu sử dụng (theo mẫu số 3 kèm Thông tư này).

Bước 4: Doanh nghiệp phối hợp với Ban chấp hành công đoàn tổ chức Đại hội công nhân viên chức để đại hội cho ý kiến về danh sách lao động (từ mẫu số 1 đến mẫu số 3).

Bước 5: Trên cơ sở ý kiến của Đại hội công nhân viên chức, doanh nghiệp hoàn chỉnh phương án sắp xếp lao động báo cáo cấp trên (cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng) thẩm định và trình Bộ Quốc phòng phê duyệt. Hồ sơ trình Bộ Quốc phòng phê duyệt gồm có:

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án sắp xếp lao động (theo mẫu số 4 kèm Thông tư này)

- Phương án sắp xếp lại lao động (theo mẫu số 5 kèm Thông tư này).

- Danh sách số lao động đã được phân loại (từ mẫu số 1 đến mẫu số 3 kèm theo Thông tư này).

Riêng đối với doanh nghiệp quân đội thực hiện giải thể, phá sản thì không phải duyệt phương án cơ cấu lại doanh nghiệp mà chỉ duyệt phương án sắp xếp lao động (theo mẫu số 1, 3 kèm Thông tư này).

Hồ sơ làm thành 7 bộ, gửi về Bộ Quốc phòng (qua Cục Kinh tế) để làm thủ tục phê duyệt.

1.3. Trình tự, thủ tục trả trợ cấp cho người lao động dôi dư.

Trong thời hạn 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày được Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án

sắp xếp lao động, doanh nghiệp thực hiện như sau:

1.3.1. Ký quyết định nghỉ việc cho từng người lao động dôi dư theo các nhóm chính sách đã được quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP (theo mẫu số 6 kèm Thông tư này). Quyết định được làm thành 3 bản, 1 bản gửi cho người lao động, 1 bản lưu tại doanh nghiệp, 1 bản gửi bảo hiểm xã hội quân đội.

1.3.2. Dự toán kinh phí trả chế độ cho người lao động dôi dư theo các nhóm chính sách (theo mẫu số 7, 8, 9, 10 kèm Thông tư này).

1.3.3. Lập hồ sơ (7 bộ) đề nghị hỗ trợ kinh phí từ Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính (Điều 8 của Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước ban hành theo Quyết định số 85/2002/QĐ-BTC ngày 01/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

1.3.4. Đối với người lao động không có nhu cầu sử dụng nhưng không thuộc diện giải quyết chế độ theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP (theo mẫu số 11 kèm Thông tư này) thì doanh nghiệp lập danh sách riêng để giải quyết chế độ theo quy định của Bộ Luật Lao động.

1.4. Giải quyết chế độ đối với người lao động dôi dư:

1.4.1. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

+ Căn cứ quyết định nghỉ việc, giải quyết đầy đủ và đúng thời hạn quy định các khoản trợ cấp đối với người lao động dôi dư.

+ Cấp Phiếu học nghề miễn phí một lần cho người lao động có nhu cầu học nghề (mẫu số 12 kèm theo Thông tư này).

+ Làm đầy đủ hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của bảo hiểm xã hội Quân đội và bảo hiểm xã hội Việt Nam;

+ Ghi rõ lý do nghỉ việc và các quyền lợi đã giải quyết vào Sổ lao động, Sổ bảo hiểm xã hội và

trả lại đầy đủ hồ sơ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

+ Trong thời hạn 7 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày nhận được kinh phí từ Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư, doanh nghiệp có trách nhiệm trả trực tiếp, một lần tại doanh nghiệp cho người lao động các khoản trợ cấp theo phương án đã được phê duyệt.

Trường hợp người lao động không thể trực tiếp đến nhận các khoản trợ cấp thì được ủy quyền cho người khác nhận khoản trợ cấp này theo quy định của Bộ Luật Dân sự.

Trường hợp người lao động chết sau thời điểm ký quyết định nghỉ việc (thời điểm có hiệu lực thi hành) mà chưa ký nhận số tiền được hưởng thì doanh nghiệp chuyển số tiền này cho người quản lý di sản của người chết theo quy định của Bộ Luật Dân sự.

1.4.2. Trách nhiệm của người lao động khi hưởng chế độ:

+ Ký nhận đầy đủ các khoản tiền trợ cấp được hưởng.

+ Ký nhận đầy đủ hồ sơ nghỉ việc.

+ Thanh toán các khoản còn nợ đối với doanh nghiệp (nếu có).

1.5. Chậm nhất sau 30 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày hoàn thành việc giải quyết chế độ đối với người lao động dôi dư, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện cho các cơ quan có thẩm quyền.

Nội dung báo cáo bao gồm việc đánh giá mặt được và chưa được, kết quả thực hiện chi trả tiền trợ cấp cho người lao động dôi dư. Báo cáo được làm thành 06 bộ và gửi cho các cơ quan sau đây:

- Đơn vị cấp trên (cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng);

- Bộ Quốc phòng (qua Cục Kinh tế);

- Bộ Tài chính;

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bảo hiểm xã hội Quân đội;
- Lưu doanh nghiệp.

2. Trách nhiệm của người lao động khi học nghề.

Người lao động dôi dư có nhu cầu học nghề đã được cấp Phiếu học nghề miễn phí phải nộp hồ sơ học nghề tại cơ sở dạy nghề do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo phương tiện thông tin đại chúng. Thời hạn nộp hồ sơ học nghề tối đa là 90 ngày kể từ ngày có quyết định nghỉ việc. Hồ sơ gồm có:

- Phiếu học nghề miễn phí (bản chính);
- Quyết định nghỉ việc hưởng chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước (bản sao);

3. Trách nhiệm của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (Quân khu, Quân chủng, Binh chủng, Tổng cục,...):

- Hướng dẫn các doanh nghiệp thuộc đơn vị xây dựng phương án cơ cấu lại, trong đó có phương án sắp xếp lao động.
- Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện khẩn trương lập hồ sơ báo cáo theo quy định tại điểm 1.5 khoản 1 Mục IV của Thông tư này.
- Tổng hợp hồ sơ của từng doanh nghiệp gửi về Bộ Quốc phòng (qua Cục Kinh tế) để được phê duyệt.
- Đôn đốc các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ nộp Hồ sơ đến các địa chỉ quy định nhằm sớm nhận được kinh phí trợ cấp cho người lao động dôi dư.

- Đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện chế độ đối với lao động dôi dư ở các doanh nghiệp thuộc quyền;

4. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng:

Cục Kinh tế chủ trì phối hợp với Cục Chính sách, Cục Tài chính có trách nhiệm:

4.1. Tổ chức hướng dẫn các doanh nghiệp quân đội thực hiện đúng đắn và đầy đủ chính sách của Chính phủ đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại;

4.2. Tiếp nhận phương án sắp xếp lại lao động do các đơn vị gửi lên để tiến hành thủ tục trình Thủ trưởng Bộ Quốc phòng thẩm định, phê duyệt;

Trong thời hạn 15 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày nhận được phương án sắp xếp lao động của doanh nghiệp, trình Bộ Quốc phòng phê duyệt. Hồ sơ đã được duyệt lưu lại 01 bộ, gửi lại doanh nghiệp 6 bộ để doanh nghiệp gửi cho các đơn vị sau:

- Cục Kinh tế/ Bộ Quốc phòng;
- Đơn vị cấp trên (cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng);
- Bộ Tài chính (Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bảo hiểm xã hội Quân đội;
- Lưu doanh nghiệp.

Trường hợp chưa phê duyệt được thì Bộ Quốc phòng hướng dẫn để doanh nghiệp làm lại. Trong thời hạn 10 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày nhận được hướng dẫn làm lại, doanh nghiệp phải hoàn thiện và gửi về Bộ Quốc phòng để được phê duyệt.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

KT. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Thủ trưởng

Trung tướng NGUYỄN VĂN RINH

Mẫu số 01:

Bộ Quốc phòng

Đơn vị:

Tên DN

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG CÓ TÊN TRONG DOANH NGHIỆP

(không bao gồm người lao động là quân nhân)

TẠI THỜI ĐIỂM SẮP XẾP LẠI ngày tháng năm 200...

Thứ tự	Họ và tên	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Hiện đang thực hiện loại hợp đồng lao động	Thời điểm tuyển dụng vào KVNN (Ngày, tháng, năm)	Thời điểm nghỉ việc (ghi tháng năm)	Hệ số lương đang hưởng	Nơi ở hiện nay
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Được tuyển dụng trước ngày 21/4/1998							
I	Vũ Thị A	CN tiện, bậc thợ 6/7	T.C Kỹ thuật	A	20/3/1973	5/1995	2,84	
II	Được tuyển dụng từ ngày 21/4/1998							
I	Đinh Thị A	Kế toán viên, bậc 2/8	ĐH kinh tế, ngành kế toán	B	1/2/1975	3/8/1998	2,02	

Người lập biểu
(Ký tên)

Thẩm định của
đơn vị trực thuộc BQP

Ngày tháng năm 200...
Giám đốc DN
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi biểu 01:

Thời điểm sắp xếp ở các mẫu được ghi ngày tháng năm doanh nghiệp tiến hành xây dựng phương án sắp xếp lao động do cơ cấu lại

Cột 2: Đối với doanh nghiệp sắp xếp lại thì ghi ngày 21/4/1998; đối với doanh nghiệp giải thể, phá sản ghi 26/4/2002

Cột 4: Nếu là viên chức thì ghi trình độ đào tạo và ngành nghề chuyên môn, nếu là công nhân thì ghi nghề và bậc thợ

Cột 5: Nếu thuộc loại hợp đồng lao động (viết tắt là HĐLĐ) không xác định thời hạn được ký hiệu là (A); xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm được ghi ký hiệu là (B); dưới một năm hoặc bằng miệng được ký hiệu (C); tuyển dụng theo chế độ biên chế Nhà nước, nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động được ký hiệu là (D)

Cột 6: Ghi ngày tháng năm bắt đầu tham gia vào khu vực nhà nước

Cột 7: Ghi ngày tháng năm nghỉ việc cho các đối tượng đang nghỉ việc nhưng chưa chấm dứt quan hệ lao động theo quy định của pháp luật

Cột 8: Ghi tổng hệ số lương bao gồm cả phụ cấp chức vụ và phụ cấp khu vực (nếu có)

Cột 9: Ghi cụ thể địa chỉ từ số nhà trở lên, điện thoại (nếu có).

Mẫu số 02:

Bộ Quốc phòng

Đơn vị:

Tên DN

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG CẦN SỬ DỤNG THEO YÊU CẦU SẢN XUẤT KINH DOANH

(không bao gồm người lao động là quân nhân)

TẠI THỜI ĐIỂM SẮP XẾP LẠI ngày tháng năm 200...

Thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 01	Tháng, năm sinh		Dự kiến bố trí chỗ làm việc sau khi sắp xếp lại lao động	Thời gian đã đóng bảo hiểm
			Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7
01						
02						
03						

Người lập biểu
(Ký tên)

Thẩm định của
đơn vị trực thuộc BQP

Ngày tháng năm 200...
Giám đốc DN
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi biểu 02:

Cột 3: Được lấy số thứ tự ở biểu số 01

Cột 7: Được ghi năm, tháng đóng bảo hiểm xã hội (ví dụ: đã đóng 22 năm 4 tháng, được ghi 22,4)

Mẫu số 03:

Bộ Quốc phòng

Đơn vị:

Tên DN ...

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ NHU CẦU SỬ DỤNG

(không bao gồm người lao động là quân nhân)

TẠI THỜI ĐIỂM SẮP XẾP LẠI ngày tháng năm 200...

Số thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng, năm sinh		Tổng thời gian thực tế làm việc trong KVNN trước ngày 01/01/2003 (Năm)	Tổng thời gian thực tế làm việc trong KVNN từ ngày 01/01/2003 (Năm)	Thời gian đã đóng BHXH	Ghi chú
			Nam	Nữ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Đối tượng thực hiện NĐ số 41/2002/NĐ-CP							
01								
02								
...								
II	Đối tượng thực hiện theo Bộ Luật Lao động							
1								
2								

Người lập biểu
(Ký tên)

Thẩm định của
đơn vị trực thuộc BQP
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 200...
Giám đốc DN
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi mẫu số 3:

Cột 6 và 7: Đối với CTCP hoạt động trong 12 tháng chỉ tính đến thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.

Mẫu số 4:

Đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên doanh nghiệp:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- * -----

Số...../

V/v đề nghị phê duyệt phương
án sắp xếp lao động do cơ cấu
lại doanh nghiệp

....., ngày.....tháng.....năm 200....

Kính gửi: Thủ trưởng Bộ Quốc phòng

Thực hiện Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đã được sửa đổi, bổ sung về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định nêu trên, (tên doanh nghiệp) đề nghị Thủ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét phê duyệt hoặc xác nhận (đối với Công ty cổ phần hoạt động trong 12 tháng) phương án sắp xếp lao động do cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước.

(Có kèm theo biểu số 1, 2, 3, 5).

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu phòng Tổ chức

GIÁM ĐỐC

(Ký tên đóng dấu)

Mẫu số 5:

Bộ Quốc phòng

Đơn vị:

Tên doanh nghiệp:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- * -----

**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG DO CƠ CẤU
LẠI DOANH NGHIỆP**

1/ Những đặc điểm chủ yếu:

- Tên doanh nghiệp:
- Thành lập ngày.....tháng.....năm
- Địa chỉ:
- Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính
- Thuận lợi:
- Khó khăn:
- Dự kiến sắp xếp lại (ví dụ: chuyển thành công ty cổ phần)

2/ Phương án sắp xếp lao động:**a/ Phân loại lao động trước khi sắp xếp.**

- Tổng số lao động (sau đây viết tắt là LĐ) có tên trong doanh nghiệp: người trong đó nữngười.

Chia ra:

- + Số LĐ ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn người
- + Số LĐ ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 năm đến 3 năm người
- + Số LĐ ký hợp đồng lao động mùa vụ, theo công việc dưới 1 năm người
- + Số LĐ chưa thực hiện ký kết hợp đồng lao động..... người

b/ Phân loại lao động tại thời điểm sắp xếp lại:

- Số lao động cần sử dụng theo yêu cầu sản xuất - kinh doanhngười, trong đó nữ người.
- Số lao động nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động người
- Số lao động hết thời hạn ký kết hợp đồng lao động người
- Số lao động dôi dư.....người, trong đó nữ.....người.

Chia ra:

- + Số lao động thực hiện theo Nghị định số 41/2002/NĐ-CP người
- + Số người lao động thực hiện theo Bộ Luật Lao động người

Ngày tháng năm 200....

Người lập biểu
(Ký tên)

Phê duyệt của Bộ Quốc phòng
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị trực thuộc Bộ
(Ký tên, đóng dấu)

Ngàytháng.... năm 200....

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 6:

Đơn vị:

Tên doanh nghiệp:

Số...../ QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- * -----

....., ngày.....tháng.....năm 200....

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC
V/v giải quyết nghỉ việc hưởng chính sách đối với lao động
đôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước

GIÁM ĐỐC

- Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 5 năm 1994;
- Căn cứ Nghị định số 41/2002/NĐ - CP ngày 11 tháng 4 năm 2002;
- Căn cứ Quyết định số.....của cơ quan chủ quản về chức năng, quyền hạn, bộ máy tổ chức của doanh nghiệp;
- Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ông (bà)..... sinh ngày..... tháng năm

- Quê quán:
- Nơi ở hiện nay:
- Nơi ở khi về nghỉ:
- Nghề, chuyên môn đào tạo:
- Chức danh công việc đang làm:
- Nghỉ việc được hưởng chế độ (ví dụ: nghỉ hưu trước tuổi) theo chính sách giải quyết lao động đôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.
- Thời điểm tính chế độ tính đến ngày..... tháng..... năm..... (Lấy theo ngày ký QĐ nghỉ việc)
- Thời gian làm việc trong khu vực nhà nước..... năm tháng
- Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội..... nămtháng
- Hệ số tiền lương đang hưởng....., phụ cấp lương..... tổng hệ số lương được hưởng.....
- Mức lương tối thiểu..... đồng

Điều 2: Các chế độ được hưởng khi nghỉ việc (ghi cụ thể từng loại chế độ), bao gồm:

1. (Ví dụ: Trợ cấp 3 tháng lương cấp bậc, phụ cấp lương đang hưởng cho 1 năm nghỉ hưu trước tuổi).
2.
3.

Ông (bà) thuộc số thứ tự ở biểu số..... kèm theo Thông tư số 11/2002/TT-BLĐTBXH ngày tháng.....năm.....

- Quyền lợi bảo hiểm xã hội được thực hiện theo quy định hiện hành (ghi cụ thể hưởng từng loại chế độ (ví dụ: nghỉ hưu trước tuổi, bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.....)

Điều 3: Người lao động trực tiếp lĩnh tại phòng kế toán tài vụ của doanh nghiệp.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 5: Các ông (bà) trưởng tổ chức, kế toán tài vụ và ông (bà)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận

- Như điều 5

GIÁM ĐỐC

(Ký tên đóng dấu)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Mẫu số 07:

Bộ Quốc phòng

Đơn vị:

Tên DN

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ

(không bao gồm người lao động là quân nhân)

TẠI THỜI ĐIỂM CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC ngày tháng năm 200...

Thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng, năm sinh		Thời gian đã đóng BHXH	Thời điểm tuyển dụng vào KVNN (ngày tháng năm)	Hệ số lương cấp bậc hiện hưởng	Hệ số các khoản phụ cấp lương		Tổng cộng hệ số lương và phụ cấp được hưởng 1 tháng	Số năm về hưu trước tuổi	Chế độ được hưởng			Tổng cộng tiền được hưởng (đồng)	Nơi khi về nghỉ
			Nam	Nữ				Chức vụ	Khu vực			Trợ cấp tính theo thời gian nghỉ hưu trước tuổi (đồng)	Trợ cấp do có 20 năm đầu đóng BHXH (đồng)	Trợ cấp từ 21 trở đi có đóng BHXH (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1																
2																
	Tổng cộng:															

Ngày tháng năm 200...

Người lập biểu
(Ký tên)

Thẩm định của đơn vị
trực thuộc BQP

Thẩm định của
Bộ Quốc phòng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 200...
Giám đốc DN
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi biểu 07:

Cột 6 = Tính cả số tháng lẻ. VD: 21 năm 3 tháng (21,3)

Cột 11 = Cột 8 + 9 + 10

Cột 12 = tuổi nghỉ hưu theo quy định - số tuổi tại thời điểm giải quyết

Cột 13 = [(Cột 12 tính tròn năm x 3 tháng) + (số lẻ sau khi đã quy đổi) x (cột 11 x mức lương tối thiểu)]

Cột 14 = [(Cột 11 x mức lương tối thiểu) x 5]

Cột 15 = [(Cột 6 - 20 năm) x 1/2] x (cột 11 x mức lương tối thiểu)]

Cột 16 = Cộng các cột 13 + 14 + 15

Mẫu số 08:

Bộ Quốc phòng

Đơn vị:

Tên DN

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO QUI ĐỊNH HIỆN HÀNH
NHUNG CÒN THIỂU THỜI GIAN ĐÓNG BHXH TỐI ĐA LÀ 1 NĂM TẠI THỜI ĐIỂM**

CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC ngày tháng năm 200... (không bao gồm người lao động là quân nhân)

Thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng, năm sinh		Tháng, năm tham gia công tác	Thời gian đã đóng BHXH	Số tháng còn thiếu chưa đóng BHXH	Hệ số lương để đóng BHXH	Tổng số tiền đóng BHXH	Xếp loại lao động nghề, công việc	Nơi ở khi về nghỉ hưu
			Nam	Nữ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I 01	Đối tượng 1										
II 01	Cộng 1: Đối tượng 2										
III 01	Cộng 2: Đối tượng 3										
IV 01	Cộng 3: Đối tượng 4										
	Cộng 4: Tổng cộng										

Người lập biểu
(Ký tên)

Ngày ... tháng ... năm 200...
Xác nhận của cơ quan BHXH QĐ
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm 200...
Thẩm định của Bộ Quốc phòng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 200...
Giám đốc DN
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi biểu :

- Cột 2: - Đối tượng 1: được lập danh sách người lao động đủ tuổi nghỉ hưu nam 60 tuổi, nữ 55 tuổi có thời gian đóng BHXH đủ 14 năm đến dưới 15 năm
- Đối tượng 2: được lập danh sách người lao động nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi có 15 năm làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại hoặc đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp 0,7 trở lên, hoặc đủ 10 năm công tác thực tế ở chiến trường B, C trước ngày 30/4/1975, chiến trường K trước ngày 31/8/1981 có thời gian đóng BHXH đủ 19 năm đến dưới 20 năm
- Đối tượng 3: được lập danh sách người lao động đủ 50 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đối với nữ có thời gian đóng BHXH đủ 19 năm đến dưới 20 năm mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.
- Đối tượng 4: Được lập danh sách người lao động có ít nhất 15 năm làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại đã đóng BHXH đủ 19 năm đến dưới 20 năm mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên không phụ thuộc vào tuổi đời.

Cột 8: Lấy 15 năm hoặc 20 năm trừ cột 7

Cột 9: hệ số lương đang hưởng tại thời điểm nghỉ việc (kể cả phụ cấp chức vụ, khu vực, hệ số bảo lưu lương nếu có)

Cột 10: {lấy 15% x [cột 8 x (Cột 9 x mức lương tối thiểu hiện hành)]}.

Biểu số 09:

Bộ Quốc phòng
Đơn vị:
Tên DN:

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN HƯỞNG TRỢ
CẤP MẤT VIỆC LÀM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ TẠI THỜI ĐIỂM CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC**

ngày tháng năm 200...

Thứ tự	Họ và tên	Số TT ở biểu số 1	Tháng năm sinh		Thời gian thực tế làm việc trong KVNN sau khi đã quy đổi tháng lẻ (năm)		Hệ số lương cấp bậc hiện hưởng	Hệ số các khoản phụ cấp lương (nếu có)		Tổng cộng hệ số lương và phụ cấp được hưởng 1 tháng	Chế độ được hưởng (đồng)			Tổng cộng kinh phí được hưởng (đồng)	Có nguyện vọng đi đào tạo (x)	Nơi ở khi về nghỉ
			Nam	Nữ	Trước ngày 01/01/2003	Từ ngày 01/01/2003		Chức vụ	Khu vực		Trợ cấp theo thâm niên làm việc	Trợ cấp 5 triệu đồng	Trợ cấp đi tìm việc làm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
01																
02																
	Tổng cộng:											X	X	X		

Phân tích nguồn:

- Tổng kinh phí chi trả đồng; chia ra
 - Trách nhiệm của quỹ lao động dôi dư cấp đồng
 - Trách nhiệm của doanh nghiệp nhưng đề nghị Quỹ lao động dôi dư hỗ trợ..... đồng
 - Nguồn của doanh nghiệp chi (nếu có).... đồng

Ngày... tháng... năm 200

Ngày... tháng... năm 200...

Người lập biểu
(Ký tên)

Thẩm định của đơn vị trực thuộc BQP
(Ký tên, đóng dấu)

Thẩm định của Bộ Quốc phòng
(Ký tên, đóng dấu)

Giám đốc DN
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi biểu 9:

Cột 11 = Cộng các cột 8 + 9 + 10

Cột 12 = {(cột 11 x mức lương tối thiểu 210.000 đ x cột 6 đã quy đổi x 2) + (cột 11 x mức lương tối thiểu 290.000 đ x cột 7 đã quy đổi x 2)}

Cột 13 = được ghi 5.000.000

Cột 14 = [(Cột 10 x mức lương tối thiểu hiện hành) x 6] ; nếu thuộc đối tượng đóng tiếp BHXH tại nơi cư trú được ghi ký hiệu (K)

Cột 15 = Cộng các cột 11 + 12 + 13

Cột 16 = Có nguyện vọng đi đào tạo thì ghi ký hiệu (x)

Mẫu số 10:

Bộ Quốc phòng

Đơn vị:

Tên DN:

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THỰC HIỆN LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN TỪ 1 ĐẾN 3 NĂM HƯỞNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TRẢ TẠI THỜI ĐIỂM CÓ QUYẾT ĐỊNH NGHỈ VIỆC

ngày tháng năm 200...

Thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng năm sinh		Thời gian thực tế làm việc trong KVNN sau khi đã quy đổi tháng lẻ (năm)		Thời gian HDLĐ còn lại chưa thực hiện (tháng)	Hệ số lương cấp bậc hiện hưởng	Hệ số các khoản phụ cấp lương (nếu có)		Tổng cộng hệ số lương và phụ cấp được hưởng 1 tháng	Chế độ được hưởng		Tổng cộng kinh phí được hưởng (đồng)	Nơi ở khi về nghỉ
			Nam	Nữ					Chức vụ	Khu vực		Trợ cấp theo thâm niên làm việc (đồng)	70% tiền lương (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
01															
02															
03															
	Tổng cộng:														

Phân tích nguồn:

Tổng kinh phí chi trả đồng

Trong đó: - Trách nhiệm của Quỹ lao động dôi dư đồng

- Trách nhiệm của doanh nghiệp nhưng đề nghị Quỹ lao động dôi dư hỗ trợ đồng

- Nguồn của doanh nghiệp chi (nếu có) đồng.

Người lập biểu
(Ký tên)

Thẩm định của
đơn vị trực thuộc BQP
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng ... năm 200...
Thẩm định của
Bộ Quốc phòng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm 200...
Giám đốc DN
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi biểu:

Cột 11 = Cộng các cột 9 + 10 + 11

Cột 12 = [(Cột 12 x mức lương tối thiểu 210.000 đ x cột 6 đã quy đổi) + (cột 12 x mức lương tối thiểu 290.000 đ x cột 7 đã quy đổi)]

Cột 14 = (Cột 12 x mức lương tối thiểu 290.000 đ x 70% x cột 8 tối đa 12 tháng)

Cột 15 = Cột 13 + cột 14

Mẫu số 11:

Bộ Quốc phòng

Đơn vị

Tên DN

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THỰC HIỆN THEO BỘ LUẬT LAO ĐỘNG
TẠI THỜI ĐIỂM SẮP XẾP LẠI ngày tháng năm 200...

Thứ tự	Họ và tên	Số thứ tự ở biểu số 1	Tháng, năm sinh		Thời gian đã đóng Bảo hiểm xã hội	Ghi chú
			Nam	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7
I	Đối tượng nghỉ hưu					
1						
2						
II	Đối tượng chấm dứt hợp đồng lao động					
1						
2						
III	Đối tượng giải quyết theo các hình thức khác					
1						
2						

Người lập biểu
(Ký tên)

Thẩm định của
đơn vị trực thuộc BQP

Ngày tháng năm 200...
Giám đốc DN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12:

(Lưu VT, hồ sơ đương sự).

Bộ Quốc phòng

Đơn vị:

Tên doanh nghiệp:

Số...../ QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- * -----

....., ngày.....tháng.....năm 200....

PHIẾU HỌC NGHỀ MIỄN PHÍ

- Họ và tên:
- Sinh ngày..... tháng..... năm..... nam, nữ.....
- Quê quán
- Nơi ở hiện nay
- Hộ khẩu thường trú
- Nghề nghiệp chuyên môn đã được đào tạo
- Nơi công tác trước khi về nghỉ việc:
- Đăng ký học nghề (người lao động tự ghi khi đăng ký học nghề)

- Số thứ tự ở biểu số 9 kèm theo Thông tư số 11/2002/TT- BLĐT BXH ngày 12/6/2002 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

09669873
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoft

Biểu số 13:

Bộ Quốc phòng

Đơn vị:

Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp doanh nghiệp và lao động

tính đến ngày tháng năm 200...

Thứ tự	Tên doanh nghiệp	Tổng số doanh nghiệp (DN)	Tổng số lao động (người)	Chia ra		Ghi chú
				Lao động cần sử dụng (người)	Lao động không cần sử dụng (người)	
1	2	3	4	5	6	7
1	Doanh nghiệp hiện có đến ngày 31/12/2001					
2	Doanh nghiệp đã sắp xếp					
	Trong đó					
	DN giữ 100% vốn Nhà nước					
	DN sáp nhập, hợp nhất					
	CT trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên					
	Công ty cổ phần					
	DN giao					
	DN bán					
	DN khoán					
	DN cho thuê					
	DN giải thể, phá sản					

Người lập biểu

(Ký tên)

Ngày tháng năm 200...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 14:

Bộ Quốc phòng

Đơn vị:

Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp doanh nghiệp và lao động

tính đến ngày tháng năm 200...

Thứ tự	Phân theo ngành hoặc khối sản xuất	Tổng số lao động dôi dư đã được giải quyết (người)	Tổng kinh phí thực tế đã chi trả (đồng)	Chia ra								
				Nghỉ hưu trước tuổi		Thiếu 1 năm đóng BHXH		Nghỉ mất việc làm		Loại HĐLĐ từ 1 đến 3 năm		
				Số lao động (người)	Kinh phí (đồng)	Số lao động (người)	Kinh phí (đồng)	Số lao động (người)	Kinh phí (đồng)	Số lao động (người)	Kinh phí (đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1												
2												
	Cộng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Tổng kinh phí đồng

Trong đó:

Nguồn doanh nghiệp đồng

Nguồn quỹ vốn lao động dôi, dư đồng

Người lập biểu

(Ký tên)

Ngày tháng năm 200...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)